TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 20/8/2019
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Khuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Đức Dũng
2. Bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số:186/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Diễm Tr, sinh năm: 1972*(có mặt)*
Địa chỉ: số nhà 169, khóm Tr, ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
Bị đơn: anh Dương Văn H – sinh năm: 1971*(vắng mặt)*
Địa chỉ: số nhà 169, khóm Tr, ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/5/2019, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm Tr trình bày:

Chị và anh Dương Văn H trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau đến cuối năm 1998 thì anh chị tiến tới hôn nhân với nhau, không tổ chức đám cưới. Đến ngày 04/6/1999 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (trước là huyện L, tỉnh Đồng Nai). Đây đều là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng,

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Tr trình bày: do anh H là người

thường xuyên nhậu nhẹt về chửi bới vợ, chị đã nhẫn nhịn chịu đựng để gia đình yên ấm, nhưng anh H vẫn không thay đổi, mỗi lần anh H nhậu xỉn về vợ chồng lại cãi vã nhau, anh H còn đánh đập chị và thường đóng cửa không cho chị vào nhà. Do cuộc sống chung giữa chị và anh H không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Dương Chánh H, sinh ngày 02/9/1999 và cháu Dương Chánh H, sinh ngày: 11/3/2007. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị xác định vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai, các lời khai bổ sung, biên bản hòa giải bị đơn anh Dương Văn H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Tr về cơ sở tiến tới hôn nhân, quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung và một phần nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Tr trình bày. Anh thừa nhận giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, sau các buổi đi làm về thì lâu lâu anh cũng có nhậu nhẹt với bạn bè, cũng có chửi vợ, lúc nóng giận thì anh cũng hai lần tát chị Tr vài bạt tai, có một lần anh gọi điện thoại cho chị Tr nhưng chị không nghe máy nên anh mới đóng cửa không cho chị Tr vào. Tuy nhiên, theo anh thì giữa anh và chị Trang tuy là có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không lớn, chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị Tr và mong muốn hàn gắn gia đình. Nay chị Tr xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn với chị Tr vì vẫn còn thương yêu chị Tr, không muốn gia đình tan vỡ. Nếu Toà án chấp nhận cho chị Tr được ly hôn với anh thì đối với con chung anh đồng ý giao cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng, phần cấp dưỡng nuôi con anh sẽ tự giải quyết với chị Tr. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Các tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm Tr và anh Dương Văn H cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh chị (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của cháu H, cháu H (bản sao); Giấy đăng ký kết hôn (bản chính); Quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp; Thông tin về chế độ hỗ trợ học nghề (bản sao).

* Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ: trong quá trình giải quyết vụ

án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Hồng là phù hợp. Đại diện VKS huyện Cẩm Mỹ không có kiến nghị gì.

Về nội dung: áp dụng Điều 131của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trang và anh Hồng ly hôn; về con chung: giao cháu Dương Chánh H cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh H; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Nguyễn Thị Diễm Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Dương Văn H, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

Về tư cách tham gia tố tụng: chị Tr có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H nên xác định chị Tr là nguyên đơn và anh H là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Dương Văn H có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: số nhà 169, khóm Tr ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Về thủ tục tố tụng: anh Dương Văn H có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt tại Tòa án nhân dân huyện C. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật TTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm Tr và anh Dương Văn H đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, (huyện L cũ) nay là huyện C, tỉnh Đồng Nai vào năm 1999; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 04/6/1999, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Tr nhận thấy:

Theo trình bày của chị Tr thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh H thường xuyên nhậu nhẹt về chửi bới chị, bản thân chị đã nhẫn nhịn chịu đựng thời gian dài để gia đình yên ấm, nhưng anh H vẫn không thay đổi, mỗi lần nhậu xỉn về anh chị lại cãi vã nhau, anh H còn đánh đập chị, anh chị còn chung sống cùng nhà nhưng không có sự quan tâm, chia sẽ với nhau, cuộc sống chung giữa chị và anh H không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không

còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Tuy anh H không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn hoàn toàn như chị Trang trình bày nhưng anh cũng thừa nhận giữa anh và chị Tr có xảy ra mâu thuẫn, anh cũng có nhậu nhẹt, cũng có chửi vợ, lúc nóng giận thì anh cũng đánh chị Tr hai lần và anh cũng đóng cửa không cho chị Tr vào nhà một lần, anh mong muốn được hàn gắn nhưng sau các buổi làm việc tại Tòa án về anh cũng không thay đổi, vẫn chửi bới, nhậu nhẹt, vợ chồng cũng không nói chuyện để hóa giải mối quan hệ hàn gắn về chung sống với nhau. Mặt khác, hai người không có sự chia sẻ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có sự vi phạm tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và Gia đình. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, chị Tr vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh H. Xét thấy anh chị đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HN&GĐ chấp nhận cho chị Tr được ly hôn với anh H.

[6] Về con chung: chị Tr và anh H đều thống nhất giao cháu H cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng nếu anh chị ly hôn. Qua lời trình bày của anh chị thì thấy chị Tr hiện tại đã nghỉ chế độ và có thu nhập ổn định. Đồng thời, cháu H có nguyện vọng được sống với chị Tr. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu Hùng thì thấy nên giao cháu H cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật HNGĐ. Nên chấp nhận cho chị Tr được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H.

[7] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: do không ai yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì chị Tr phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng về luật nội dung đề nghị áp dụng luật Hôn nhân gia đình năm 1986 để giải quyết, HĐXX xét thấy không phù hợp nên không ghi nhận ý kiến này. Bởi vì, tuy hôn nhân giữa chị Tr và anh H được xác lập trước thời điểm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nhưng trong vụ án này anh chị chỉ tranh chấp về quan hệ hôn nhân, con

chung không tranh chấp về tài sản chung nên HĐXX áp dụng luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Diễm Tr được ly hôn với anh Dương Văn H.

- Về con chung: giao con chung cháu Dương Chánh H, sinh ngày: 11/3/2007 cho chị Nguyễn Thị Diễm Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Dương Văn H.

Khi cần thiết chị Tr và anh H được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Diễm Tr phải nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 004878 ngày 29/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. C;
- Thi hành án dân sự H. C;
- Những người tham gia tố tụng;
-UBND xã X;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên